

Số: 06 /QĐ-CPHV

Đồng Nai, ngày 25 tháng 01 năm 2024

P.TCKT

QUYẾT ĐỊNH
V/v Ban hành Quy chế công bố thông tin
của Công ty cổ phần Hòa Việt

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA VIỆT

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Hòa Việt được thông qua theo Nghị quyết số 67/NQ-CPHV của Đại hội đồng cổ đông thường niên tổ chức vào ngày 18 tháng 5 năm 2023;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Phiếu trình giải quyết công việc ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Công ty Cổ phần Hòa Việt về việc xin ý kiến thông qua Quy chế Công bố thông tin;

Xét đề nghị của Giám đốc Công ty,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế Công bố thông tin” của Công ty Cổ phần Hòa Việt.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Giám đốc Công ty, Trưởng phòng Tổ chức Hành chính, Kế toán trưởng, Người Công bố thông tin Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- HĐQT, BGĐ, BKS;
- Thư ký Công ty;
- Tổ CNTT;
- Lưu: VT, TCHC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Châu Tuấn

QUY CHẾ

Công bố thông tin của Công ty Cổ phần Hòa Việt

(Ban hành kèm theo Quyết định số 06/QĐ-CPHV ngày 25 tháng 01 năm 2024
của Công ty Cổ phần Hòa Việt)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc công bố thông tin của Công ty trên thị trường chứng khoán Việt Nam theo các quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời, quy định việc phối hợp giữa các đơn vị trực thuộc, các phòng nghiệp vụ, cá nhân thuộc Công ty và các bộ phận có liên quan trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

2. Đối tượng áp dụng

- Người công bố thông tin;
- Các bộ phận có liên quan gồm: Ban tổ chức Đại Hội đồng cổ đông, Thư ký Công ty, Phòng Tài chính Kế toán, Phòng Tổ chức Hành chính.
- Người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

Điều 2. Các từ viết tắt

- | | |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------|
| - Công ty | : Công ty Cổ phần Hòa Việt |
| - UBCKNN | : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước |
| - IDS PRO | : Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN |
| - SGDCK | : Sở Giao dịch Chứng khoán |
| - HNX | : Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội |
| - CIMS | : Hệ thống quản lý thông tin công ty của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội |
| - VSDC | : Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam |
| - TTCKVN | : Thị trường Chứng khoán Việt Nam |
| - CBTT | : Công bố thông tin |
| - HĐQT | : Hội đồng quản trị |
| - BKS | : Ban Kiểm soát |

- KTT : Kế toán trưởng
- BCTC : Báo cáo tài chính
- CĐL : Cổ đông lớn
- CPQ : Cổ phiếu quỹ
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- GCNĐKDN : Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- CTĐC : Công ty đại chúng
- NNB : Người nội bộ
- NCLQ : Người có liên quan

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Người nội bộ của Công ty là:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
- Thành viên Ban kiểm soát;
- Người được ủy quyền công bố thông tin.

2. Ngày công bố thông tin là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại Điều 6 Quy chế này.

3. Ngày báo cáo về việc công bố thông tin là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, phương tiện công bố thông tin của SGDCK hoặc ngày UBCKNN, SGDCK nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.

4. Đối với tài liệu dưới dạng văn bản: Văn bản hợp lệ là bản chính hoặc bản sao hợp lệ. Yêu cầu của văn bản hợp lệ:

- a) Đối với văn bản của cá nhân: Văn bản có họ tên và chữ ký của cá nhân.
- b) Đối với văn bản của tổ chức: Văn bản có xác nhận của người có thẩm quyền bao gồm: họ tên, chức vụ, chữ ký của người có thẩm quyền, đóng dấu (nếu có).

5. Bản scan văn bản dùng CBTT phải có đầy đủ nội dung theo quy định đối với văn bản hợp lệ.

6. Dữ liệu điện tử dùng CBTT là dữ liệu có định dạng word/excel/pdf (word/excel sử dụng bảng mã Unicode).

7. Người công bố thông tin là người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được ủy quyền công bố thông tin. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố.

8. *Người có liên quan*^[1] là cá nhân, tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

- a) Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó;
- b) Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;
- c) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
- d) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
- e) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
- f) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020.

9. *Tổ chức kiểm toán được chấp thuận* là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được UBCKNN chấp thuận kiểm toán theo quy định của định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.

10. *Cổ đông lớn*^[2] là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty.

Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật.

2. Đối tượng công bố thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Quy chế này phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

3. Khi công bố thông tin, đối tượng công bố thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 1 phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCK về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định.

4. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, thông tin chỉ được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý.

5. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại Khoản 4 Điều 4 Quy chế này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK 02 bản tài liệu,

[¹] Theo quy định tại Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019

[²] Theo quy định tại Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019

trong đó 01 bản báo cáo về việc công bố thông tin bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK thực hiện công khai thông tin.

Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin

1. Người thực hiện công bố thông tin là 01 người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin theo quy định của Quy chế này và pháp luật có liên quan.

2. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, tính chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh thông tin phải công bố mà cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin.

3. Công ty phải đăng ký, đăng ký lại Người thực hiện công bố thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (sau đây gọi tắt là UBCKNN) và Sở Giao dịch chứng khoán (sau đây gọi tắt là Sở GDCK) tối thiểu 24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực.

Điều 6. Phương tiện công bố thông tin

Stt	Đối tượng tiếp nhận CBTT	Phương tiện CBTT
1	Công ty	Chuyên mục về Quan hệ cổ đông trên website của Công ty (*)
2	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN - IDS Pro
3	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam	Trang thông tin điện tử của SGDCK Hà Nội (Hệ thống CIMS) hoặc SGDCK Việt Nam
4	Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật trong một số trường hợp	Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam
5		Báo in, Báo điện tử,...

(*) Lưu ý:

- Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ, Công ty vẫn thực hiện công bố thông tin trên Chuyên mục Quan hệ cổ đông của Công ty vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật. Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật trên cổng thông tin điện tử của UBCKNN, SGDCK,... vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

- Công ty khi lập hoặc thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử phải báo cáo với UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn **03 ngày làm việc**,

kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này.

- Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

- Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm.

- Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu 05 năm.

Điều 7. Tạm hoãn công bố thông tin

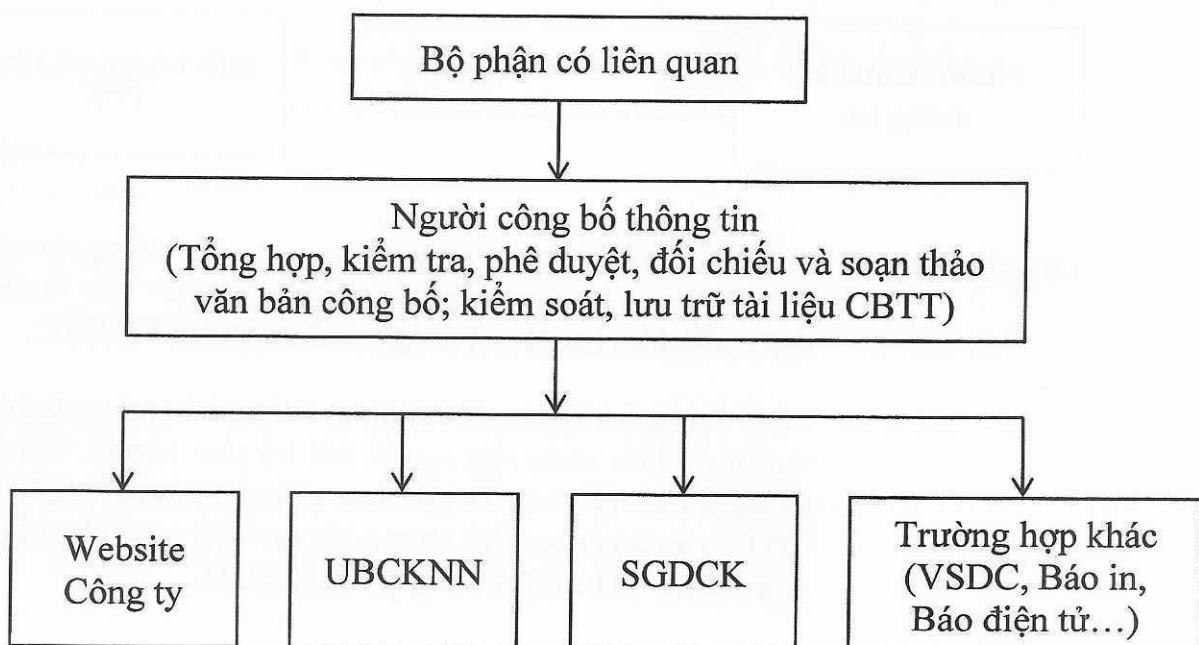
1. Công ty được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh,...) và phải báo cáo UBCKNN, Sở GDCK về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty phải công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa hoặc tạm hoãn công bố theo quy định pháp luật.

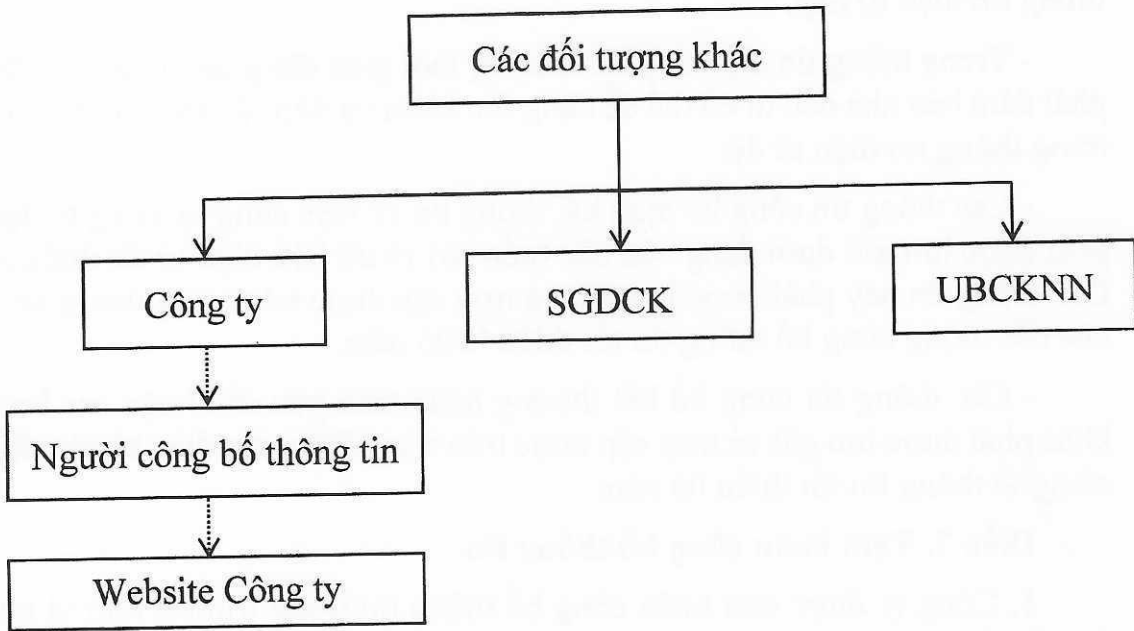
Chương II NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 8. Lưu đồ thực hiện

1. Áp dụng đối với các bộ phận có liên quan quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 1 Quy chế này



2. Áp dụng đối với các đối tượng khác (**)

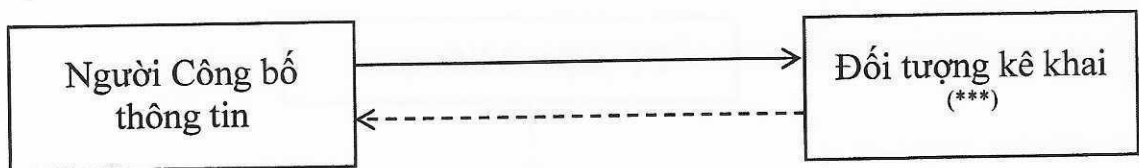


Ghi chú: —→ : Gửi trực tiếp Công ty, UBCKNN và SGDCK

-----> : Người Công bố thông tin tiếp nhận thông tin từ đối tượng khác thực hiện rà soát và công bố lên Website công ty.

(**) Đối tượng khác là đối tượng Quy định tại điểm c khoản 2 Điều 1 Quy chế này gồm Người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

3. Áp dụng đối với quy trình kê khai Người nội bộ và Người có liên quan của Người nội bộ



Ghi chú: —→ : Người Công bố thông tin gửi Bản cung cấp thông tin người nội bộ trước 30 ngày công bố thông tin Báo cáo Quản trị theo mẫu Phụ lục III - Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

----> : Đối tượng kê khai gửi thông tin thông báo về sự thay đổi người có liên quan của người nội bộ cho Người Công bố thông tin trong vòng 24 giờ theo mẫu Phụ lục II - Quy chế CBTT của Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021.

(***) Đối tượng kê khai là đối tượng Quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy chế này gồm:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
- Thành viên Ban kiểm soát;
- Người được ủy quyền công bố thông tin.

Điều 9. Công bố thông tin định kỳ

Stt	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Bộ phận cung cấp thông tin	Ghi chú
1	Báo cáo tài chính				
1.1	Báo cáo tài chính quý	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý	Trễ nhất trước 01 ngày theo quy định phải CBTT	Phòng TCKT	
1.2	Báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có)	Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không được vượt quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc quý	Trễ nhất trước 01 ngày theo quy định phải CBTT	Phòng TCKT	
1.3	Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét	Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không được vượt quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính	Trễ nhất trước 01 ngày theo quy định phải CBTT	Phòng TCKT	
1.4	Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không được vượt quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Trễ nhất trước 01 ngày theo quy định phải CBTT	Phòng TCKT	
1.5	<i>Chú ý khi công bố thông tin Báo cáo tài chính phải giải trình nguyên nhân khi xảy ra 1 trong các trường hợp sau:</i> - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;	Công bố thông tin đồng thời với Báo cáo tài chính cần giải trình	Trễ nhất trước 01 ngày theo quy định phải CBTT	Phòng TCKT	

Stt	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Bộ phận cung cấp thông tin	Ghi chú
	- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại; - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.	Công bố thông tin đồng thời với Báo cáo tài chính cần giải trình	Trễ nhất trước 01 ngày theo quy định phải CBTT	Phòng TCKT	
2	Báo cáo thường niên				
	Báo cáo thường niên	Chậm nhất 20 ngày sau ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không được vượt quá 110 ngày , kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Trễ nhất trước 01 ngày theo quy định phải CBTT	Thư ký Công ty	
3	Báo cáo tình hình quản trị công ty				
3.1	Báo cáo tình hình quản trị công ty bán niên	Chậm nhất 30 ngày , kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm dương lịch	Trễ nhất trước 01 ngày theo quy định phải CBTT	Thư ký Công ty	
3.2	Báo cáo tình hình quản trị công ty năm	Chậm nhất 30 ngày , kể từ ngày kết thúc năm dương lịch	Trễ nhất trước 01 ngày theo quy định phải CBTT	Thư ký Công ty	
4	Đại hội đồng cổ đông				
4.1	Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	Trễ nhất trước 01 ngày theo quy định phải CBTT	Ban tổ chức Đại Hội đồng cổ đông	
4.2	Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông	Chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ (<i>theo Khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty</i>)	Trễ nhất trước 01 ngày theo quy định phải CBTT	Ban tổ chức Đại Hội đồng cổ đông	
4.3	Biên bản họp và Nghị quyết của ĐHĐCĐ và bộ tài liệu thông qua tại Đại hội <i>Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc</i>	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ	Trễ nhất trước 01 ngày theo quy định phải CBTT	Ban tổ chức Đại Hội đồng cổ đông	

Stt	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Bộ phận cung cấp thông tin	Ghi chú
	<i>hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn</i>				
5	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản				
5.1	Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	Trễ nhất trước 01 ngày theo quy định phải CBTT	Ban tổ chức Đại Hội đồng cổ đông	
5.2	Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết	Chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến (<i>theo Khoản 2 Điều 22 Điều lệ Công ty</i>)	Trễ nhất trước 01 ngày theo quy định phải CBTT	Ban tổ chức Đại Hội đồng cổ đông	
5.3	Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết của ĐHĐCĐ <i>Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn</i>	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông	Trễ nhất trước 05 giờ so với thời điểm cuối cùng cần CBTT	Ban tổ chức Đại Hội đồng cổ đông	

Điều 10. Công bố thông tin bất thường

Trong thời hạn tối thiểu 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện dưới đây, Công ty phải thực hiện công bố thông tin bất thường và nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

Stt	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Bộ phận cung cấp thông tin	Ghi chú
1	Quyết định mua lại cổ phiếu hoặc bán cổ phiếu quỹ	Trong thời hạn 24 giờ	Trễ nhất trước 05 giờ so với thời điểm cuối cùng cần CBTT	Thư ký Công ty	
2	Quyết định ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu	Trong thời hạn 24 giờ	Trễ nhất trước 05 giờ so với thời điểm cuối cùng cần CBTT	Thư ký Công ty	
3	Quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các	Trong thời hạn 24 giờ	Trễ nhất trước 05 giờ so với	Thư ký Công ty	

Stt	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Bộ phận cung cấp thông tin	Ghi chú
	quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp		thời điểm cuối cùng cần CBTT		
4	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu	Trong thời hạn 24 giờ	Trễ nhất trước 05 giờ so với thời điểm cuối cùng cần CBTT	Thư ký Công ty	
5	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp), giải thể doanh nghiệp. phá sản doanh nghiệp	Trong thời hạn 24 giờ	Trễ nhất trước 05 giờ so với thời điểm cuối cùng cần CBTT	Thư ký Công ty	
6	Quyết định thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện	Trong thời hạn 24 giờ	Trễ nhất trước 05 giờ so với thời điểm cuối cùng cần CBTT	Thư ký Công ty	
7	Quyết định ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ	Trong thời hạn 24 giờ	Trễ nhất trước 05 giờ so với thời điểm cuối cùng cần CBTT	Thư ký Công ty	
8	Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty	Trong thời hạn 24 giờ	Trễ nhất trước 05 giờ so với thời điểm cuối cùng cần CBTT	Thư ký Công ty	
9	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết	Trong thời hạn 24 giờ	Trễ nhất trước 05 giờ so với thời điểm cuối cùng cần CBTT	Thư ký Công ty	
10	Quyết định của ĐHCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng	Trong thời hạn 24 giờ	Trễ nhất trước 05 giờ so với thời điểm cuối cùng cần CBTT	Thư ký Công ty	
11	Quyết định về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ theo	Trong thời hạn 24 giờ	Trễ nhất trước 05 giờ so với	Thư ký Công ty	

Stt	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Bộ phận cung cấp thông tin	Ghi chú
	<i>Phụ lục I - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN</i>		thời điểm cuối cùng cần CBTT		
12	Công ty nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty)	Trong thời hạn 24 giờ	Trễ nhất trước 05 giờ so với thời điểm cuối cùng cần CBTT	Thư ký Công ty	
13	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất	Trong thời hạn 24 giờ	Trễ nhất trước 05 giờ so với thời điểm cuối cùng cần CBTT	Thư ký Công ty	
14	Nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty	Trong thời hạn 24 giờ	Trễ nhất trước 05 giờ so với thời điểm cuối cùng cần CBTT	Thư ký Công ty	
15	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty	Trong thời hạn 24 giờ	Trễ nhất trước 05 giờ so với thời điểm cuối cùng cần CBTT	Thư ký Công ty	
16	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ	Trong thời hạn 24 giờ	Trễ nhất trước 05 giờ so với thời điểm cuối cùng cần CBTT	Thư ký Công ty	
17	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét	Trong thời hạn 24 giờ	Trễ nhất trước 05 giờ so với thời điểm cuối cùng cần CBTT	Thư ký Công ty	
18	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn	Trong thời hạn 24 giờ	Trễ nhất trước 05 giờ so với thời điểm cuối cùng cần CBTT	Thư ký Công ty	

Stt	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Bộ phận cung cấp thông tin	Ghi chú
	điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn)				
19	Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa	Trong thời hạn 24 giờ	Trễ nhất trước 05 giờ so với thời điểm cuối cùng cần CBTT	Phòng TCKT	
20	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật)	Trong thời hạn 24 giờ	Trễ nhất trước 05 giờ so với thời điểm cuối cùng cần CBTT	Phòng TCKT	
21	Thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng)	Trong thời hạn 24 giờ	Trễ nhất trước 05 giờ so với thời điểm cuối cùng cần CBTT	Phòng TCKT	
22	Việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký	Trong thời hạn 24 giờ	Trễ nhất trước 05 giờ so với thời điểm cuối cùng cần CBTT	Phòng TCKT	
23	Kết quả điều chỉnh hồi tố BCTC (nếu có)	Trong thời hạn 24 giờ	Trễ nhất trước 05 giờ so với thời điểm cuối cùng cần CBTT	Phòng TCKT	
24	Ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với BCTC	Trong thời hạn 24 giờ	Trễ nhất trước 05 giờ so với thời điểm cuối cùng cần CBTT	Phòng TCKT	
25	Thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành theo <i>Phụ lục V - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN</i> . Thời điểm CBTT thực hiện như sau:			Phòng TCKT	
25.1	- <i>Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu tính từ thời điểm công ty báo cáo</i>	Trong thời hạn 24 giờ	Trễ nhất trước 05 giờ so với thời điểm cuối cùng cần CBTT	Phòng TCKT	

Stt	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Bộ phận cung cấp thông tin	Ghi chú
	<i>UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;</i>				
252	<i>- Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định pháp luật về giao dịch cổ phiếu quỹ;</i>	Trong thời hạn 24 giờ	Trễ nhất trước 05 giờ so với thời điểm cuối cùng cần CBTT	Phòng TCKT	
253	<i>- Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn của người lao động trong công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ của công ty thông qua công ty chứng khoán; công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình theo yêu cầu của khách hàng hoặc để sửa lỗi giao dịch, công ty CBTT trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày CBTT.</i>	Trong thời hạn 24 giờ	Trễ nhất trước 05 giờ so với thời điểm cuối cùng cần CBTT	Phòng TCKT	
26	Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế	Trong thời hạn 24 giờ	Trễ nhất trước 05 giờ so với thời điểm cuối cùng cần CBTT	Phòng TCKT	
27	Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó	Trong thời hạn 24 giờ	Trễ nhất trước 05 giờ so với thời điểm cuối cùng cần CBTT	Phòng TCKT	
28	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài	Trong thời hạn 24 giờ	Trễ nhất trước 05 giờ so với thời điểm cuối cùng cần CBTT	Phòng TCKT	
29	Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty đại chúng công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không quá 90	Trễ nhất trước 01 ngày theo quy định phải CBTT	Phòng TCKT	

Stt	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Bộ phận cung cấp thông tin	Ghi chú
	theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp	ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới			
30	Công ty gửi thông báo đến SGDCK về việc kết thúc việc công bố thông tin theo quy định đối với tổ chức đăng ký giao dịch quy mô lớn theo Phụ lục VII - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN	Trong vòng 05 ngày làm việc trước ngày kết thúc thời hạn công bố thông tin quy định đối với tổ chức đăng ký giao dịch quy mô lớn	Trễ nhất trước 01 ngày theo quy định phải CBTT	Phòng TCKT	
31	Đối với các sự kiện cần có sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền	Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định kể từ khi ban hành quyết định/nghị quyết và công bố thông tin Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền	Trễ nhất trước 05 giờ so với thời điểm cuối cùng cần CBTT	Phòng TCKT	
32	Công ty gửi (Bản cứng) cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có) theo Phụ lục III - Thông tư 96/2020/TT-BTC	Trong thời hạn 24 giờ	Trễ nhất trước 05 giờ so với thời điểm cuối cùng cần CBTT	Phòng TCHC	
33	Công ty gửi cho SGDCK Bản cung cấp thông tin (trường hợp bổ nhiệm người nội bộ mới) theo Phụ lục III - Thông tư 96/2020/TT-BTC	Trong thời hạn 24 giờ	Trễ nhất trước 05 giờ so với thời điểm cuối cùng cần CBTT	Phòng TCHC	
34	Trường hợp có sự thay đổi người có liên quan của người nội bộ, Công ty báo cáo cho SGDCK về thay đổi người có liên quan của người nội bộ theo Phụ lục II - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN	Trong thời hạn 24 giờ	Trễ nhất trước 05 giờ so với thời điểm cuối cùng cần CBTT	Phòng TCHC	

Stt	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Bộ phận cung cấp thông tin	Ghi chú
35	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh	Trong thời hạn 24 giờ	Trễ nhất trước 05 giờ so với thời điểm cuối cùng cần CBTT	Phòng TCHC	
36	Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	Trong thời hạn 24 giờ	Trễ nhất trước 05 giờ so với thời điểm cuối cùng cần CBTT	Phòng TCHC	
37	Công bố thông tin về thay đổi nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động theo Phụ lục III - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN	Trong thời hạn 24 giờ (<i>Gửi kèm bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động thay đổi cho Sở Giao dịch Chứng khoán</i>)	Trễ nhất trước 05 giờ so với thời điểm cuối cùng cần CBTT	Phòng TCHC	
38	Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động	Trong thời hạn 24 giờ	Trễ nhất trước 05 giờ so với thời điểm cuối cùng cần CBTT	Phòng TCHC	
39	Quyết định thay đổi mã số thuế, tên công ty, con dấu của công ty	Trong thời hạn 24 giờ	Trễ nhất trước 05 giờ so với thời điểm cuối cùng cần CBTT	Phòng TCHC	
40	Trường hợp Công ty thay đổi mô hình công ty (tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty	Trong thời hạn 24 giờ	Trễ nhất trước 05 giờ so với thời điểm cuối cùng cần CBTT	Phòng TCHC	

Stt	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Bộ phận cung cấp thông tin	Ghi chú
	liên doanh, công ty liên kết), ngoài việc thực hiện công bố thông tin theo quy định, tổ chức đăng ký giao dịch thực hiện đăng ký theo Phụ lục IV - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN				
41	Nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty	Trong thời hạn 24 giờ	Trễ nhất trước 05 giờ so với thời điểm cuối cùng cần CBTT	Phòng TCHC	
42	Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp	Trong thời hạn 24 giờ	Trễ nhất trước 05 giờ so với thời điểm cuối cùng cần CBTT	Phòng TCHC	

Điều 11: Công bố thông tin theo yêu cầu

Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, Sở GDCK nơi Công ty, đăng ký giao dịch khi xảy ra sự kiện, Công ty phải thực hiện công bố thông tin.

Stt	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Bộ phận cung cấp thông tin	Ghi chú
1	Xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư	Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu	Trễ nhất trước 05 giờ so với thời điểm cuối cùng cần CBTT	Phòng TCKT	
2	Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó	Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu	Trễ nhất trước 05 giờ so với thời điểm cuối cùng cần CBTT	Phòng TCKT	

Điều 12: Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu

Stt	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Bộ phận cung cấp thông tin	Ghi chú
1	Thực hiện CBTT cho UBCKNN, VSDC, báo cáo cho SGDCK đồng thời CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông và các tài liệu liên quan	Chậm nhất 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến (thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ)	Trễ nhất trước 01 ngày theo quy định phải CBTT	Ban tổ chức Đại Hội đồng cổ đông	
		Chậm nhất 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến (thực hiện các quyền khác)	Trễ nhất trước 01 ngày theo quy định phải CBTT	Ban tổ chức Đại Hội đồng cổ đông	
2	Trường hợp hủy nội dung thông báo về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền liên quan đến tỷ lệ thực hiện và ngày đăng ký cuối cùng đối với các trường hợp phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và các trường hợp liên quan đến việc điều chỉnh giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền theo Quy chế hướng dẫn giao dịch chứng khoán của SGDCK, CBTT và gửi thông báo cho SGDCK nêu rõ lý do hủy	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra thông báo nhưng chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng	Trễ nhất trước 05 giờ so với thời điểm cuối cùng cần CBTT	Phòng TCKT	

Điều 13: Công bố thông tin về các hoạt động khác

Stt	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Bộ phận cung cấp thông tin	Ghi chú
1	Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn	Theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán	Trễ nhất trước 01 ngày theo quy định phải CBTT	Phòng TCKT	
2	Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	Theo quy định pháp luật CK hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên TTCK Việt Nam	Trễ nhất trước 01 ngày theo quy định phải CBTT	Phòng TCKT	

Stt	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Bộ phận cung cấp thông tin	Ghi chú
3	Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	Theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	Trễ nhất trước 01 ngày theo quy định phải CBTT	Phòng TCKT	
4	Tổng tài sản (ghi trong sổ kế toán) giảm hơn 10% do mua lại cổ phiếu của chính mình	CBTT và báo cho các chủ nợ trong vòng 15 ngày kể từ ngày hoàn tất thanh toán	Trễ nhất trước 01 ngày theo quy định phải CBTT	Phòng TCKT	

Điều 14. Các đối tượng khác thực hiện CBTT

Thực hiện theo Phụ lục 1 (ban hành kèm theo Quy chế này).

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm phối hợp giữa người CBTT và các bộ phận có liên quan

1. Người công bố thông tin chịu trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty với UBCKNN, SGDC, nhà đầu tư và những người có liên quan khác theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

2. Người công bố thông tin trong phạm vi chức năng của mình tiếp nhận, xử lý các thông tin từ các phòng ban chức năng cung cấp các thông tin theo nội dung Quy chế này. Thư ký Công ty, Trưởng các phòng nghiệp vụ chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp cho người công bố thông tin.

3. Đối với những thông tin bất thường, thông tin cung cấp theo yêu cầu phải công bố theo quy định, các phòng nghiệp vụ (nơi phát sinh thông tin cần cung cấp) có trách nhiệm cung cấp thông tin cho người công bố thông tin trễ nhất trước 05 giờ so với thời điểm cuối cùng cần công bố thông tin.

4. Người công bố thông tin phải giám sát việc công bố thông tin và báo cáo Người đại diện theo pháp luật kết quả thực hiện.

Điều 16. Xử lý vi phạm về công bố thông tin

1. Các đối tượng được quy định tại khoản 2 Điều 1 Quy chế này có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho Công ty liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Việc xử lý vi phạm về công bố thông tin được thực hiện theo quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

3. Giám đốc có quyền đưa ra các hình thức xử lý vi phạm phù hợp với chức năng và quyền hạn của mình đối với các trường hợp vi phạm về Quy chế công bố thông tin này.

4. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng, vượt quá thẩm quyền giải quyết của Giám đốc, Giám đốc sẽ báo cáo Hội đồng quản trị xử lý vi phạm theo quy định.

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này gồm 3 chương, 17 điều, có hiệu lực kể từ ngày ký Quyết định ban hành.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến nghĩa vụ CBTT chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ công bố thông tin của các đối tượng có nghĩa vụ CBTT liên quan.

3. Trong quá trình thực hiện Quy chế nếu có vấn đề gì phát sinh cần bổ sung, sửa đổi cho phù hợp, Thủ trưởng các đơn vị, báo cáo đề xuất bằng văn bản với Giám đốc Công ty gửi về phòng Tổ chức Hành chính tổng hợp báo cáo Giám đốc Công ty xem xét và trình Hội đồng Quản trị Công ty quyết định. /.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Châu Tuấn

PHỤ LỤC 1: HƯỚNG DẪN CBTT CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 06 /QĐ-CPHV ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Công ty Cổ phần Hòa Việt)

1. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty

- Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn; nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cho Công ty, UBCKNN và SGDCK theo mẫu quy định tại Phụ lục VII - Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 tại Phụ lục 2 kèm theo Quy chế này trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.

- Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải CBTT và báo cáo cho Công ty, UBCKNN, SGDCK theo Phụ lục VIII - Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 tại Phụ lục 2 kèm theo Quy chế này trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên.

Ghi chú: Không áp dụng CBTT đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc phát hành thêm cổ phiếu.

- Công ty công bố trên website của công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của các đối tượng này.

2. Công bố thông tin về giao dịch của Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của đối tượng này phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho Công ty, UBCKNN và SGDCK khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

- Trước khi thực hiện giao dịch: Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là 03 ngày làm việc, NNB của Công ty và NCLQ của NNB phải CBTT và báo cáo cho



UBCKNN, SGDCK và Công ty về việc dự kiến giao dịch cổ phiếu) theo Phụ lục XIII - Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 tại Phụ lục 2 kèm theo Quy chế này.

- Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ SGDCK (*Trừ trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải CBTT được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai*).

Ghi chú: NNB của Công ty và NCLQ của NNB không được đồng thời đăng ký giao dịch mua và bán cổ phiếu trong cùng một đợt đăng ký và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng ký.

- Sau khi thực hiện giao dịch: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, NNB của Công ty và NCLQ của NNB phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và Công ty về kết quả giao dịch theo Phụ lục XV - Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 tại Phụ lục 2 kèm theo Quy chế này, đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có).

3. Ghi chú

- NNB của Công ty và NCLQ của NNB chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.

- Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là NNB của Công ty và NCLQ của NNB, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định.










- Trường hợp Công ty chứng khoán là NCLQ của NNB của tổ chức đăng ký giao dịch, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu đăng ký giao dịch, Công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK và Công ty trong vòng 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.

- Trường hợp Công ty mẹ hoặc các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của Công ty (công đoàn, đoàn thanh niên...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty thực hiện giao dịch cổ phiếu phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như quy định đối với người nội bộ.









- Công ty công bố trên website của Công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu của NNB của Công ty và NCLQ của NNB.

PHỤ LỤC 2: CÁC MẪU BIỂU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 06 /QĐ-CPHV ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Công ty Cổ phần Hòa Việt)

Stt	Nội dung	Biểu mẫu
1	Bản cung cấp thông tin người nội bộ (Phụ lục III - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)	 Phu lục III - TT96 - BCCTT
2	Báo cáo thường niên (Phụ lục IV - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)	 Phu lục IV - TT96 - BCTN
3	Báo cáo quản trị 06 tháng đầu năm/năm (Phụ lục V - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)	 Phu lục V - TT96 - BCQT
4	Báo cáo về ngày trở thành/không còn là cổ đông lớn (Phụ lục VII - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)	 Phu lục VII - CDL
5	Báo cáo về giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty khi có thay đổi số lượng cổ phiếu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết (Phụ lục VIII - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)	 Phu lục VIII - CDL giao dịch vượt ngưỡng
6	Thông báo Giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và người có liên quan của của người nội bộ (Phụ lục XIII - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)	 Phu lục XIII - Thông báo GD NNB
7	Báo cáo Kết quả giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ (Phụ lục XV - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)	 Phụ lục XV - Báo cáo GD NNB
8	Thông báo ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu (Mẫu 07/THQ - Quyết định 109/QĐ-VSD ban hành ngày 20 tháng 08 năm 2021)	 Mau 07-THQ.doc
9	Thay đổi người nội bộ (Phụ lục I - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)	 Phu lục I - Thay doi NNB



10	Thay đổi người có liên quan của người nội bộ (Phụ lục II - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)	 Phụ lục II - Thay đổi NCLQ của NNB
11	Thông báo thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy phép hoạt động (Phụ lục III - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)	 Phụ lục III - Thay đổi nội dung DKDN
12	Đăng ký mô hình công ty và loại báo cáo tài chính (Phụ lục IV - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)	 Phụ lục IV - TB đăng ký, thay đổi m
13	Thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành (Phụ lục V - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)	 Phụ lục V - TB thay đổi SLCP đang lưu h
14	Công bố thông tin bất thường (Phụ lục VI - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)	 Phụ lục VI - CBTT bat thuong.docx
15	Công bố thông tin về việc kết thúc nghĩa vụ CBTT (Phụ lục VII - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)	 Phụ lục VII - TB kết thúc nghĩa vụ CBTT
16	Báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán (Mẫu 01 - Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)	 Mau 01-Bao cao tien do su dung von
17	Biểu mẫu Công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử Hoặc sử dụng biểu mẫu của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	 Biểu mẫu CBTT trên Cổng thông tin điện